

Bản án số: **86/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 19/6/2023

V/v “**Ly hôn**”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Trần Thị Kim Tân.

- Ông Nguyễn Xuân Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **50/2023/TLST-HNGĐ** ngày 10 tháng 02 năm 2023 về việc “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **73/2023/QĐXXST-HNGĐ** ngày 11 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: **62/2023/QĐST-HNGĐ** ngày 31 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu T, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Trần Ngọc L, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Trảng Táo, xã Xuân Thành, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Thu T trình bày:

Chị và anh Trần Ngọc L tự nguyện tìm hiểu yêu thương và chung sống với với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/01/2000 tại Ủy ban nhân dân xã Suối Cao, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Theo chị T trình bày cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc cho đến năm 2010 mâu thuẫn thường xuyên xảy ra là do anh L thường vắng nhà không cho chị biết lý do, thiếu trách nhiệm gia đình, tình cảm ngày một lạnh nhạt và vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay, vợ chồng cũng không gặp nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị có yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 23/12/2001 và cháu Trần Lê Anh V, sinh ngày 08/01/2005. Hiện các cháu đã trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ty không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Ngọc L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Tuy nhiên, tại biên bản xác minh ngày 23 tháng 3 năm 2023, của Ủy ban nhân dân xã Xuân Thành, huyện

Xuân Lộc cung cấp hiện nay anh L đang sống tại tổ 5, ấp Trảng Táo, xã Xuân Thành, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Về mâu thuẫn của chị T và anh L chính quyền không nắm rõ.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

Căn cứ Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu T đối với anh Trần Ngọc L về việc tranh chấp ly hôn, chị T được ly hôn với anh Long.

Về nuôi dưỡng con chung, tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

- Kiến nghị: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Thu T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Trần Ngọc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên Tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiếp tục xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu T khởi kiện ly hôn với anh Trần Ngọc L, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “**Ly hôn**”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Chị Lê Thị Thu T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn đối với anh Trần Ngọc L. Xét yêu cầu khởi kiện của chị T Hội đồng xét xử nhận định:

Chị và anh Trần Ngọc L tự nguyện tìm hiểu yêu thương và chung sống với với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/01/2000 tại Ủy ban nhân dân xã Suối Cao, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Theo chị T trình bày cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc cho đến năm 2010 mâu thuẫn thường xuyên xảy ra là do anh L thường vắng nhà không cho chị biết do, thiếu trách nhiệm gia đình, tình cảm ngày một lạnh nhạt và vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay, vợ chồng cũng không gặp nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị có yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Anh L không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của chị T, cả hai cũng không gặp nhau để hàn gắn đoàn tụ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Ngọc L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Tuy nhiên, tại biên bản xác minh ngày 23 tháng 3 năm 2023, của Ủy ban nhân dân xã Xuân Thành, huyện Xuân Lộc cung cấp hiện nay anh L đang sống tại tổ 5, ấp Trảng Táo, xã Xuân Thành, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Về mâu thuẫn của chị T và anh L chính quyền không nắm rõ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở và cũng phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Các cháu đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Riêng anh L không có lời khai về tài sản chung và nợ chung nên cần tách ra giải quyết khi anh có yêu cầu.

[6] Về án phí: áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2006/UBTVQH 14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Chị Lê Thị Thu Thủy phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- **Về hôn nhân:** Chấp nhận cho chị Lê Thị Thu T được ly hôn với anh Trần Ngọc L.

- **Về con chung:** Các cháu đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Riêng anh L không có lời khai về tài sản chung và nợ chung nên cần tách ra giải quyết khi anh có yêu cầu.

- **Về án phí:** Chị Lê Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí chị Thủy đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo biên lai thu số **0007218 ngày 30/01/2023** được tính trừ vào án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kim Phụng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM.
THẨM**

